

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày: 17-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Bé

Bà Nguyễn Thị Anh Quế

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Văn B - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2018/TLST-HS ngày 08/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-HS ngày 04/05/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Đăng K, sinh năm 1969; quê quán: Xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: 15^E, tổ 17 khu L, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Bộ đội nghỉ hưu từ tháng 3/2017; Trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Tuấn C, đã chết và bà: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1931; trú tại: 15^E, tổ 17 khu L, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ năm; vợ bị cáo là Trần An C, sinh năm 1976. (Đã chết 03/01/2018); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Năm 1991 tham gia nghĩa vụ quân sự, năm 1993 chuyển làm lái xe công tác tại phòng Hậu cần thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định, năm 2017 thì nghỉ hưu. Nguyễn Đăng K là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 02/12/2017 Nguyễn Đăng K có đơn xin ra khỏi đảng, ngày 03/01/2018 chi bộ tổ dân phố số 17, phường V, thành phố N có văn bản đề nghị và ngày 05/01/2018 Đảng bộ phường Vị Xuyên có báo cáo đề nghị Thành ủy Nam Định làm thủ tục cho Nguyễn Đăng K xin ra khỏi Đảng.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” và “Tạm hoãn xuất cảnh”. Hiện bị cáo tại ngoại.

Tại phiên tòa bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/02/2017, Cơ quan An ninh điều tra (ANĐT) Công an tỉnh Nam Định tiếp nhận hồ sơ cùng công văn số 121/SLĐT BXH-NCC ngày 09/02/2017 của Sở Lao động - Thương binh xã hội tỉnh Nam Định kiến nghị điều tra, xử lý các trường hợp sử dụng giấy tờ không đúng để lập hồ sơ hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học tại một số huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Nam Định. Sau khi xác minh Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định đã khởi tố vụ án số 04/ANĐT ngày 19/4/2017 và số 06 ngày 21/7/2017 về tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 267 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra xác định, Trần Công T, sinh năm 1961, trú tại thôn B, xã M, huyện Y, tỉnh Nam Định khai nhận mua nhiều Huy chương chiến sỹ giải phóng của Nguyễn Đăng K, sinh năm 1969, trú tại 15^E, tổ 17 khu L, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Thời điểm đó Nguyễn Đăng K đang cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa Khoa tỉnh Nam Định do mắc bệnh viêm tụy nên bản kết luận điều tra số 02/ANĐT ngày 27/11/2017 của Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định đã tách hành vi của Nguyễn Đăng K để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý.

Tiến hành điều tra, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Nam Định đã thu giữ được bản gốc của 09 Huy chương chiến sỹ giải phóng mang tên: Nguyễn Văn Tr, xã Y; Nguyễn Thanh B, xã Y, Nguyễn Đình K, xã Y; Nguyễn Thị N, xã P; Trần Quang Đ, xã P; Đặng Ngọc T, xã Y; Nguyễn Xuân B, xã P; Nguyễn Công C, xã Y; Nguyễn Văn T, xã Yên T. (Đều thuộc huyện Y, tỉnh Nam Định). Đây là những Huy chương chiến sỹ giải phóng Trần Công T khai mua của Nguyễn Đăng K.

Tiến hành trưng cầu giám định đối với bản phôi và hình dấu trên 09 Huy chương chiến sỹ giải phóng đã thu giữ. Tại Bản kết luận giám định số 294/GĐKTHS ngày 21/4/2017, số 466/GĐKTHS ngày 09/6/2017 và số 644/GĐKTHS ngày 02/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Bản phôi tài liệu cần giám định so với bản phôi tài liệu mẫu không phải do một bản in in ra; hình dấu trên tài liệu giám định so với hình dấu trên tài liệu mẫu không phải do một con dấu đóng ra (BL 17, 18, 21, 26).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Đăng K khai nhận: Từ năm 1993 đến 2017, K công tác tại phòng Hậu cần thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định. Năm 2005, Ban chính sách và Ban quân lực Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định chuyển phòng làm việc, K được giao nhiệm vụ giúp việc chuyển hồ sơ. Quá trình sắp xếp có nhiều giấy tờ thải loại, K thu dọn, xin về để bán giấy vụn, về nhà phát hiện các Huy chương chiến sỹ giải phóng đã ký và đóng dấu nhưng chưa ghi nội dung, K đem cất giữ. Năm 2009, K đi thăm người thân tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định gặp một số người họ hàng cùng quê Xã T, huyện Y đi khám bệnh để lấy bệnh

án đưa vào hồ sơ xin xét duyệt chế độ da cam, buổi trưa K ra quán ăn cơm cùng mọi người. Tại đây K gặp Trần Công T, sinh năm 1961 ở thôn B, xã M, huyện Y qua nói chuyện biết K làm việc tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định, T hỏi mua Huy chương chiến sỹ giải phóng cho những trường hợp có đi bộ đội được tặng thưởng nhưng nay bị thất lạc. K đồng ý, yêu cầu T tập hợp những trường hợp cần làm Huy chương chiến sỹ giải phóng, ghi tên, tuổi, quê quán cụ thể đồng thời cung cấp bản photo quyết định xuất ngũ/phục viên hoặc giấy tờ chứng minh có tham gia quân đội cho K. Biết bố vợ là ông Trần An N, sinh năm 1947, trú tại tổ 13 phường T, thành phố N viết chữ đẹp, trước đây có viết thuê bằng khen, giấy khen cho một số cơ quan, K về nhà lấy phôi Huy chương chiến sỹ giải phóng đã cất giữ từ trước mang đến nhờ ông N viết, K nói với ông N do một số người ở trong quê có đi bộ đội nhưng giấy tờ của họ bị mất, bị hỏng nay họ làm lại nhờ ông viết hộ, ông N không hỏi gì T và viết các nội dung mà K cung cấp, ông N không nhận được hưởng lợi gì từ K. Sau khi ông N viết xong các Huy chương chiến sỹ giải phóng thì K thông báo cho T ra nhận và trả tiền. K đã bán cho T nhiều lần, mỗi lần khoảng 02 đến 03 chiếc, tổng số K đã bán cho T là 09 chiếc Huy chương chiến sỹ giải phóng với giá 700.000 đồng/01 chiếc và nhận của Trần Công T tổng số tiền 6,3 triệu đồng, số tiền này K đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi nhận được 09 Huy chương chiến sỹ giải phóng từ K, Trần Công T mang về trực tiếp bán lại cho ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1953, trú tại thôn M và ông Đặng Ngọc Th, sinh năm 1956, trú tại thôn M đều ở Xã T, huyện Y mỗi người 01 Huy chương chiến sỹ giải phóng với số tiền 1,5 triệu đồng, bán cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1934, trú tại thôn M, Xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định 01 Huy chương chiến sỹ giải phóng với số tiền 02 triệu đồng, ông Đặng Đình Th, sinh năm 1956, trú tại thôn M, Xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định 01 Huy chương chiến sỹ giải phóng với giá 01 triệu đồng (ông T mua hộ ông Nguyễn Công C) và T bán cho Phạm Trọng P, sinh năm 1962, trú tại thôn T, xã P, huyện Y, tỉnh Nam Định 05 Huy chương chiến sỹ giải phóng với giá mỗi chiếc là 01 triệu đồng. Sau đó Phạm Trọng P tiếp tục mang bán lại cho người có nhu cầu để đưa vào hồ sơ làm chế độ da cam. Tùy từng mối quan hệ mà P lấy các mức giá khác nhau. Cụ thể P đã bán cho: Ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1952, trú tại thôn B; bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1950, trú tại thôn P; ông Trần Quang Đ, sinh năm 1952, trú tại thôn B đều ở xã P, huyện Y mỗi người 01 Huy chương chiến sỹ giải phóng với số tiền 02 triệu đồng và bán cho ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1955, trú tại xóm 2, xã Yên Hưng, huyện Y với số tiền 02 triệu đồng; ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1956; trú tại xóm 2, xã H, huyện Y với số tiền 1,5 triệu đồng (BL 134 đến 138, từ 145 đến 179).

Tiến hành thu thập mẫu chữ viết của ông Trần An N và trưng cầu giám định đối với chữ viết tay trên các Huy chương chiến sỹ giải phóng mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Đình K, Nguyễn Thị N, Trần Quang Đ, Đặng Ngọc Th, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Công C, Nguyễn Văn Th. Tại Bản kết luận giám định số 227/GĐKTHS-P11 ngày 27/10/2017 của Phòng Giám định kỹ thuật

hình sự - Bộ Quốc phòng kết luận: Chữ viết tay trên các Huy chương chiến sỹ giải phóng mang tên Nguyễn Xuân B, Trần Quang Đ, Nguyễn Đình Kh, Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn T gửi giám định với chữ viết mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Đồng thời, tại Thông báo kết quả giám định số 228/GĐKTHS ngày 27/10/2017 của của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng kết luận: Chữ viết tay cần giám định trên các Huy chương chiến sỹ giải phóng mang tên Đặng Ngọc Th, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Công C và Nguyễn Văn T với chữ viết tay mẫu so sánh trên các Huy chương chiến sỹ giải phóng mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Đình Kh, Nguyễn Thị N, Trần Quang Đ là do cùng một người viết ra (BL35, 37)

Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trần Công T, Phạm Trọng P cùng đồng bọn về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Ngày 27/11/2017, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố Trần Công T, Phạm Trọng P về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự 1999. Vụ án đã được xét xử sơ thẩm ngày 12/01/2018.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

- + Quá trình điều tra vụ án đối với Trần Công T, Phạm Trọng P và đồng bọn, Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định đã thu giữ bản gốc 09 Huy chương chiến sỹ giải phóng mang tên Nguyễn Văn T, Nguyễn Thanh B, Nguyễn Đình Kh, Nguyễn Thị N, Trần Quang Đ, Đặng Ngọc Th, Nguyễn Xuân B, Nguyễn Công C, Nguyễn Văn T.

- + Thu giữ mẫu chữ viết của ông Trần An Ninh.

- + Ngày 22/01/2018, Nguyễn Đăng K tự nguyện giao nộp số tiền 6,3 triệu đồng là tiền chiếm hưởng trái phép từ việc bán 09 Huy chương chiến sỹ giải phóng cho Trần Công T. Chuyển xử lý theo vụ án.

Tại Cáo trạng số 11/QĐ-KSĐT-P1, ngày 05/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Đăng K về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 267 BLHS.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Nguyễn Đăng K đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa đã luận tội đối với các bị cáo sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K từ 24 đến 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách từ 48 đến 60 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Năm 2009, Bị cáo Nguyễn Đăng K có hành vi làm giả 09 Huy chương chiến sỹ giải phóng bán cho Trần Công T với giá 700.000 đồng/01 chiếc. T mang về trực tiếp bán lại cho Nguyễn Thanh B, Nguyễn Văn T, Đặng Ngọc Th, Đặng Đình Thân mỗi người 01 Huy chương chiến sỹ giải phóng và bán cho Phạm Trọng P 05 chiếc Huy chương chiến sỹ giải phóng. Sau đó Phạm Trọng P tiếp tục mang bán lại cho Nguyễn Xuân B, Nguyễn Thị N, Trần Quang Đ, Nguyễn Văn T, Nguyễn Đình Kh đưa vào hồ sơ xin xét hưởng chế độ trợ cấp bị nhiễm chất độc hoá học, đã được cơ quan có thẩm quyền cấp xã và huyện Yxét, khi hồ sơ chuyển đến Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh Nam Định thì bị phát hiện.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Đăng K đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức” với tình tiết định khung “Phạm tội nhiều lần” được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định truy tố đối với bị cáo là có căn cứ. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính thuộc lĩnh vực quản lý và sử dụng con dấu, giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự và nhận thức về những điều cấm của pháp luật, đối với hành vi nêu trên. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo K đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền chiếm hưởng bất chính là 6,3 triệu đồng. Do vậy cần xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra bản thân bị cáo K bị bệnh viêm tụy cấp mạn tính, tiểu đường type 2; hiện tại hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, bản thân bị cáo là lao động chính, trực tiếp nuôi dưỡng mẹ già và hai con đang trong độ tuổi ăn học; trong quá

trình công tác bản thân bị cáo được tặng thưởng nhiều huy chương, bằng khen, giấy khen. Do vậy cần xem cho bị cáo được hưởng T tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 điều 267 BLHS để xử phạt đối với bị cáo.

[6] Về biện pháp chấp hành hình phạt: Đối với bị cáo K, Hội đồng xét xử thấy, bản thân bị cáo là người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, từ trước tới nay luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người công dân, có nghề nghiệp và nơi cư trú rõ ràng. Hiện tại hoàn cảnh gia đình bị cáo đặc biệt khó khăn, vợ bị cáo bị bệnh ung thư đã chết 03/01/2018, bản thân bị cáo bị bệnh viêm tụy cấp mạn tính là bệnh hiểm nghèo và bệnh tiểu đường type 2, bị cáo là lao động chính, trực tiếp nuôi dưỡng mẹ già và hai con đang trong độ tuổi ăn học. Xét hoàn cảnh gia đình cũng như bản thân của bị cáo, thấy cần thiết cho bị cáo được hưởng lượng Kn hồng của pháp luật mà không buộc phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội, cũng có thể cải tạo giáo dục được đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền mà bị cáo đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả đã được thu giữ theo biên bản có trong hồ sơ của vụ án; HĐXX xét thấy số tiền này là tiền chiếm hưởng bất chính do bị cáo phạm tội mà có, vì vậy cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng K phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng K 30 (Ba mươi) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức”.

Giao bị cáo Nguyễn Đăng K cho UBND phường Vị Xuyên, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 76 BLTTHS ; Điều 41 Bộ luật hình sự:

Tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Nam Định.

(Chi tiết số tiền của bị cáo K có trong Giấy ủy nhiệm chi số 04 ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa Công an tỉnh Nam Định và Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 98, 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Đăng K phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo bị cáo, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Cấp Cao và VKSND Cấp Cao;
- VKSND và CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Nam Định;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Vũ Hà Nam